

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 29 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 64/TTr-SNN ngày 04 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và:

- Thay thế các thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 4 khoản I, mục 2, phần I (số 1, 2, 3, 4, khoản I, mục B, phần II); số 2, 3, 5, 6, 7, 8 khoản II, mục 2, phần I (số 2, 3, 5, 6, 7, 8, khoản II, mục B, phần II) tại Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban

nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum và các thủ tục hành chính số 16, 17, 18, 19 khoản IV, mục 1, phần I (số 1, 2, 20, 21, mục IV, phần II) tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 khoản III, mục 1, phần I (số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 mục II, phần II) và số 10, 11, 12 khoản VII, mục 1, phần I (số 7, 8, 9 mục VIII phần II) tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum và thủ tục hành chính số 1, khoản I, điểm C, mục 1, phần I (số 1, khoản 1, mục C, phần II) tại Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT-NCXDPL.

u



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY
THẾ VÀ BÃI BỎ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), UBND cấp huyện.

STT	Tên thủ tục hành chính
A	CẤP TỈNH
I	Lĩnh vực Kiểm lâm
1	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường, bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng thông thường từ tự nhiên.
2	Cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm thuộc nhóm II; cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II, III CITES.
II	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1	Phê duyệt Dự án liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp cấp tỉnh.
B	CẤP HUYỆN
I	Lĩnh vực Kiểm lâm
1	Xác nhận bảng kê lâm sản.
II	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1	Phê duyệt Dự án liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp cấp huyện.

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I		Lĩnh vực quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	
1		Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/2/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
2		Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực	- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
		phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	
3		Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (<i>Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn</i>).	
4		Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (<i>trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận</i>).	
II Lĩnh vực bảo vệ thực vật			
1		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;
2		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	
3		Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (<i>sau đây gọi tắt là giấy xác nhận kiến thức về ATTP</i>).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/2/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.
4		Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở.	
5		Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có sơ chế, chế biến được thực	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
		hiện tại cơ sở (<i>Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn</i>).	
6		Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở trồng trọt, có hoạt động sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở (<i>trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận</i>).	
III Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y			
1		Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (<i>gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y</i>).	- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.
2		Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (<i>trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y</i>).	
3		Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ;
4		Cấp mới, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính
IV Lĩnh vực trồng trọt			
1		Đăng ký công nhận nguồn giống là cây đầu dòng đối với cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm	Thông tư số 207/2016/TT-BTC, ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
2		Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
3		Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm	

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), UBND cấp xã.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
A	CẤP TỈNH		
I	Lĩnh vực Kiểm lâm		
1		Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.
2		Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý.	
3		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trại nuôi sinh sản, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã (quy định tại Phụ lục 1 Công ước CITES).	
4		Cấp Chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục II, III của CITES.	
5		Cấp đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES.	
6		Cấp Giấy chứng nhận trại nuôi gấu.	
7		Cấp Giấy phép vận chuyển gấu.	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
8		Xử lý đối với gấu do chủ nuôi tự nguyện giao cho Nhà nước.	
9		Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	
10		Đóng dấu búa Kiểm lâm.	
11		Cấp phép vận chuyển đặc biệt đối với động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và sản phẩm của chúng.	
12		Xác nhận lâm sản lưu thông.	
II	Lĩnh vực trồng trọt		
1		Phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ
2		Phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (<i>Áp dụng cho phê duyệt lần đầu và điều chỉnh, bổ sung, kéo dài thực hiện Dự án hoặc phương án cánh đồng lớn</i>)	
B	CẤP XÃ		
I	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn		
1		Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ



Phần II:
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*** CẤP TỈNH**

I. LĨNH VỰC KIỂM LÂM

1. Thủ tục: *Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường, bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng thông thường từ tự nhiên.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, TP Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>).</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <p>- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Chi cục có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định phương án. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá phương án khai thác và lập biên bản thẩm định phương án khai thác.</p> <p>Bước 4: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định, Chi cục phê duyệt phương án khai thác khi có tối thiểu 2/3 thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý. Trường hợp không phê duyệt, Chi cục có trách nhiệm gửi kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5: Chi cục chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 6: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bản chính Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ</p>
Thời hạn giải quyết	7 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Kiểm lâm
Kết quả	Phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt phương án khai thác
Lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (<i>Mẫu số 09 Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	- <i>Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

Mẫu số 09. Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC

ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG TỪ TỰ NHIÊN

I. THÔNG TIN VỀ CHỦ RỪNG

1. Tên và địa chỉ

- Tổ chức: tên đầy đủ; địa chỉ; điện thoại liên hệ; số giấy phép đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập; ngày cấp, nơi cấp.

- Cá nhân: họ và tên; địa chỉ thường trú; số điện thoại liên hệ; số chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ căn cước; ngày cấp, nơi cấp.

Trường hợp chủ rừng liên kết với tổ chức, cá nhân khác để khai thác, đề nghị nêu rõ:

- Tổ chức: tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp.

- Cá nhân: họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp.

2. Giới thiệu chung:

Giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành, quá trình thực hiện các hoạt động có liên quan....

3. Mục đích khai thác:

II. HIỆN TRẠNG KHU VỰC KHAI THÁC, LOÀI KHAI THÁC, PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC

1. Tổng quan chung khu vực khai thác

a) Điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn), kinh tế, xã hội.

b) Hiện trạng rừng (kiểu rừng, diện tích), khu hệ động vật, thực vật của khu vực:

- Kiểu rừng (rừng thường xanh, rừng rụng lá), chất lượng rừng (rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo ...), diện tích từng kiểu rừng.

- Rừng theo phân loại rừng quy định tại Điều 5 Luật Lâm nghiệp 2017.

- Tổng diện tích đất không có rừng.

2. Mô tả hiện trạng của địa điểm đề nghị khai thác:

a) Vị trí khu vực khai thác: thuộc lô: ... , khoảnh: ..., tiểu khu: ...

b) Ranh giới: mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm bản đồ khu khai thác tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000

c) Diện tích khu vực khai thác:

d) Tên chủ rừng: địa chỉ, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao, cho thuê đất rừng (trường hợp có 2 chủ rừng trở lên thì lập bảng kèm theo).

đ) Loại rừng/hệ sinh thái khu vực khai thác:

3. Loài đề nghị khai thác

a) Mô tả về loài:

- Đặc tính sinh học của loài.

- Độ tuổi sinh sản và mùa sinh sản.

b) Mô tả hiện trạng của loài tại khu vực đề nghị khai thác:

- Kích thước quần thể, phân bố theo sinh cảnh, mật độ/trữ lượng; tăng trưởng số lượng (số lượng sinh sản trung bình hàng năm, tỷ lệ sống sót).
- Số lượng con trưởng thành (số con cái và đực).
- Số lượng con non (số con đực và cái nếu phân biệt được).
- Số lượng con già (không còn khả năng sinh sản).
- Đánh giá sự biến đổi của quần thể sau khi khai thác trong thời gian tới.

c) Tài liệu kèm theo:

- Bản đồ điều tra, phân bố loài đề nghị khai thác tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000.
- Các tài liệu khác nếu có.

4. Phương án khai thác

a) Loài đề nghị khai thác:

- Tên loài (gồm tên thông thường và tên khoa học).
- Loại mẫu vật khai thác.
- Số lượng (tổng số lượng) và đơn vị tính.
- Tổng số lượng cá thể đực, số lượng cá thể cái.
- Độ tuổi (con non, con trưởng thành).

b) Thời gian khai thác: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... (tối đa không quá 03 tháng).

c) Phương pháp khai thác:

- Phương tiện, công cụ sử dụng trong khai thác: tên, số lượng ...
- Phương thức khai thác (săn, bắn, bẫy, lưới....).
- Phương thức khác.

d) Danh sách những người thực hiện khai thác.

....., ngày.....tháng.....năm

CHỦ RỪNG

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM CẤP TỈNH KON TUM

.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm

Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu

2. Thủ tục: Cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm thuộc nhóm II; cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II, III CITES.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Đại diện hợp pháp của chủ cơ sở gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>). - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo bằng văn bản cho cơ sở biết, để hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm cấp mã số cơ sở. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng thì thời hạn cấp mã số cơ sở không quá ba mươi (30) ngày làm việc. <p>Bước 5: Chi cục chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho đại diện hợp pháp của chủ cơ sở.</p> <p>Bước 6: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua bưu điện; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng (<i>theo mẫu</i>); - Bản chính phương án nuôi, trồng (<i>theo mẫu</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy cấp mã số cơ sở nuôi, trồng
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng (<i>Mẫu số 3 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 10/3/2019</i>). - Bản chính phương án nuôi (<i>Mẫu số 06, Mẫu số 07 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 10/3/2019</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	<p>1. Đối với cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm thuộc nhóm II; cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II, III CITES không vì mục đích thương mại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có dự án, đề tài nghiên cứu khoa học được phê duyệt; - Cơ sở nuôi, trồng phù hợp với đặc tính sinh trưởng của loài được nuôi, trồng; đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi, trồng, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh. - Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi, trồng hợp pháp khác. <p>2. Đối với cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm thuộc nhóm II; cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II, III CITES vì mục đích thương mại:</p>

	<p>a. Đối với động vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác; - Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi; bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh; - Loài nuôi là loài được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam công bố có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát; cơ sở nuôi được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài có liên quan trong tự nhiên. <p>b. Đối với thực vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở trồng hợp pháp khác; - Cơ sở trồng phù hợp với đặc tính của loài.
Căn cứ pháp lý	- <i>Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 10/3/2019 của Chính phủ.</i>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ CƠ SỞ NUÔI, TRỒNG CÁC LOÀI THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM; ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP THUỘC PHỤ LỤC CITES

Kính gửi:

1. Tên và địa chỉ:

Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax (nếu có):

2. Địa chỉ cơ sở nuôi, trồng:

3. Nội dung đề nghị cấp đăng ký: Cấp mới ☐; Cấp bổ sung ☐

4. Mục đích nuôi, trồng:

Phi thương mại ☐; Thương mại trong nước ☐; Xuất khẩu thương mại ☐

5. Các loài nuôi, trồng:

STT	Tên loài		Số lượng (cá thể)	Nguồn gốc	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học			
1					
2					
3					
...					

6. Các tài liệu kèm theo:

- Hồ sơ nguồn gốc;

- ...

Địa điểm ..., ngày tháng ... năm ...

Ký tên

(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và
đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)

PHƯƠNG ÁN
NUÔI ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM NHÓM IIB; ĐỘNG VẬT HOANG DÃ
NGUY CẤP THUỘC PHỤ LỤC II, III CITES

1. Tên và địa chỉ của cơ sở:.....
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện:.....
Số CMND/căn cước công dân/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
3. Loài đăng ký nuôi sinh sản (tên khoa học và tên thông thường):
4. Thông tin chi tiết về số lượng và tuổi của con đực, cái trong đàn giống sinh sản:
5. Tài liệu chứng minh các con giống đó được đánh bắt hợp pháp theo quy định tại Nghị định, CITES:
6. Bản đánh giá nhu cầu và nguồn cung cấp mẫu vật để tăng cường nguồn giống sinh sản nhằm phát triển nguồn gen:.....
7. Loại sản phẩm đối với các cơ sở nuôi thương mại (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác):
8. Mô tả cơ sở hạ tầng của cơ sở nuôi: diện tích, công nghệ chăn nuôi, cung cấp thức ăn, khả năng thú y, vệ sinh môi trường và cách thức lưu trữ thông tin:.....
9. Thuyết minh và cam kết về những đóng góp cho công tác bảo tồn loài:
 - Số lượng cá thể đực, cái thuần chủng, độ tuổi của động vật tái thả lại khu vực phân bố tự nhiên của loài hoặc trao đổi với các cơ sở nuôi không vì mục đích thương mại.
 - Đóng góp khác cho bảo tồn (giáo dục thiên nhiên, tài trợ cho các dự án bảo tồn...)
10. Mô tả các rủi ro và các biện pháp xử lý rủi ro:
 - Các rủi ro đối với môi trường tự nhiên (nếu có) và các biện pháp phòng, chống rủi ro này;
 - Các rủi ro đối với an toàn của con người và vật nuôi khác và các biện pháp phòng chống rủi ro này;
 - Các rủi ro về dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh;
 - Các rủi ro khi động vật thoát khỏi chuồng/cơ sở nuôi hoặc bị đánh cắp; mô tả các biện pháp phòng, chống động vật thoát ra ngoài môi trường tự nhiên đối với loài được nuôi tại khu vực không phải là khu vực phân bố tự nhiên của loài./.

Địa điểm, ngày tháng ... năm ...

Ký tên

*(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và
đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)*

PHƯƠNG ÁN

TRỒNG THỰC VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIỂM NHÓM IIA; CÁC LOÀI THỰC
VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP THUỘC PHỤ LỤC II, III CITES

1. Tên và địa chỉ của cơ sở:
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện:
- Số CMND/căn cước công dân/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:
3. Loài đăng ký trồng (tên khoa học và tên thông thường):
4. Mô tả số lượng nguồn giống khai thác hợp pháp từ tự nhiên:.....
5. Mô tả điều kiện hạ tầng và phương thức trồng:
6. Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới:....
7. Tài liệu chứng minh nguồn gốc giống hợp pháp theo của loài đăng ký trồng.
8. Thuyết minh và cam kết về những đóng góp cho công tác bảo tồn loài đối với trường hợp trồng không vì mục đích thương mại:
 - Số lượng thực vật thuần chủng và độ tuổi của thực vật tái trồng lại khu vực phân bố tự nhiên của loài hoặc trao đổi với các cơ sở trồng không vì mục đích thương mại.
 - Đóng góp khác cho bảo tồn (giáo dục thiên nhiên, tài trợ cho các dự án bảo tồn...)
9. Mô tả các biện pháp phòng, chống sự phát tán của thực vật ra môi trường tự nhiên đối với loài được trồng tại khu vực không phải là khu vực phân bố tự nhiên của loài./.

Địa điểm....., ngày tháng ... năm ...

Ký tên

(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và
đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)

II. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

1. Thủ tục: *Phê duyệt Dự án liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp Hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, TP Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>). - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử, ...</i>) hướng dẫn Chủ đầu tư dự án hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Ngoài trụ sở cơ quan.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị của chủ dự án (<i>theo mẫu</i>); - Thuyết minh Dự án liên kết (<i>theo mẫu</i>); - Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chụp các chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chụp hợp đồng liên kết. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phê duyệt hồ trợ dự án liên kết.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Quyết định phê duyệt hồ trợ dự án liên kết
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Phí, lệ phí	Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị của chủ dự án (<i>Mẫu số 01, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018</i>); - Thuyết minh Dự án liên kết (<i>Mẫu số 02 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018</i>); - Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (<i>Mẫu số 03 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018</i>); - Bản sao chụp các chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (<i>Mẫu số 04 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. - Hợp đồng liên kết được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền. - Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. - Liên kết đảm bảo ổn định: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết theo dự án liên kết tối thiểu là 05 năm; + Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết theo dự án liên kết tối thiểu là 03 năm.
Căn cứ pháp lý	- <i>Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ</i>

**TÊN ĐỐI TƯỢNG
THAM GIA LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (thành phố)
..... (hoặc UBND huyện (quận).....)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô liên kết:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:

5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:

6. Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới:

7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): /.

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu:

**TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN LIÊN KẾT

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail

c)

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:
3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
4. Hình thức liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.
7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ
 - Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)
 - Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)
 - Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)
 - Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,)
 - Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,)
 - Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)
2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).
3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ
 - a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)
 - b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ
4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):
2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

Ngày tháng năm , tại ,
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: , Fax: E-mail

2. Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: , Fax: E-mail

3. Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:

2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

3. Quy mô liên kết:

4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng

2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng

- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ đầu tư dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Kính gửi:
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):,

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt ☐ Lâm nghiệp ☐ Chăn nuôi ☐

Nuôi trồng thủy sản ☐ Khai thác, sản xuất muối ☐

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản ☐

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực Kiểm lâm

1. Thủ tục: *Xác nhận bằng kê lâm sản.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Hạt Kiểm lâm. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Hạt Kiểm lâm xác nhận bằng kê lâm sản hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do; - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Hạt Kiểm lâm thông báo cho chủ lâm sản. + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Hạt Kiểm lâm tiến hành xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản; trường hợp phức tạp, việc xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản được thực hiện không quá 05 ngày làm việc. + Kết thúc xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản, Hạt Kiểm lâm lập biên bản kiểm tra lâm sản theo mẫu quy định. + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc xác minh, Hạt Kiểm lâm xác nhận bằng kê lâm sản và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do. <p>Bước 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ đối với hồ sơ nguồn gốc lâm sản: + Lâm sản khai thác từ rừng tự nhiên trong nước chưa qua chế biến: quy định tại khoản 1, Điều 6, thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT. + Thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Phụ lục CITES khai thác từ rừng tự nhiên trong nước chưa qua chế biến: quy định tại khoản 2, Điều 6, thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT. + Động vật rừng và bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng, sản phẩm của động vật rừng nhập khẩu thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm: quy định tại khoản 3, Điều 6, Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT. - Kiểm tra thực tế: đối chiếu giữa giữa lâm sản thực tế với hồ sơ xuất ra. - Lập biên bản kiểm tra lâm sản theo mẫu quy định <p>Bước 4: Ký xác nhận vào biên bản kiểm tra lâm sản, bằng kê lâm sản</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính bằng kê lâm sản (theo mẫu). - Hồ sơ nguồn gốc lâm sản. - Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc lâm sản thì thời gian xác minh không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố
Kết quả	Xác nhận bảng kê lâm sản
Lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Bảng kê lâm sản (<i>Mẫu số 01, 02, 03 hoặc mẫu số 04 Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018</i>). - Biên bản kiểm tra lâm sản (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	<i>Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

Mẫu số 01. Bảng kê lâm sản (áp dụng đối với gỗ tròn, gỗ xẻ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tờ số:/Tổng số tờ

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với gỗ tròn, gỗ xẻ)⁽¹⁾

Số:/...⁽²⁾

Thông tin chung:

Tên chủ lâm sản:

Giấy đăng ký kinh doanh/mã số doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp).....

Địa chỉ

Số điện thoại liên hệ:

Nguồn gốc lâm sản⁽³⁾:

Số hóa đơn kèm theo (nếu có):; ngày... tháng....năm.....;

Phương tiện vận chuyển (nếu có..... biển số/số hiệu phương tiện:.....;

Thời gian vận chuyển: ngày; từ ngàytháng....năm đến ngàytháng....năm....

Vận chuyển từ:.....đến:

TT	Số hiệu, nhãn đánh dấu ⁽⁴⁾	Tên gỗ		Số lượng	Kích thước			Khối lượng (m ³) /trọng lượng (kg)	Ghi chú ⁽⁵⁾
		Tên phổ thông	Tên khoa học (đối với gỗ nhập khẩu)		Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/ chiều dày (cm)		
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
01									
02									
...									
	Cộng								

Tổng số lượng và khối lượng hoặc trọng lượng đối với từng loài lâm sản có trong bảng kê:.....

.....Ngày.....tháng.....năm 20.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM LÂM

SỞ TẠI⁽⁶⁾

Vào sổ số: .../...⁽⁷⁾

(Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức; ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

Ghi chú:

(1) Áp dụng với cả gỗ dạng cây;

(2) Chủ lâm sản ghi số thứ tự theo số bảng kê lâm sản đã lập trong năm; Ví dụ 18/001: 18 là năm 2018; 001 là số thứ tự bảng kê đã lập;

(3) Ghi rõ nguồn gốc từ rừng tự nhiên, từ rừng trồng, vườn nhà, cây trồng phân tán hoặc từ nhập khẩu, sau xử lý tịch thu, có bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản của chủ lâm sản bán theo quy định tại Thông tư này;

(4) Đối với gỗ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 4 Thông tư này thì ghi chi tiết số hiệu từng lóng, hộp, thanh, tấm; trường hợp gỗ cùng loài, cùng kích thước có thể ghi chung một số hiệu; trường hợp gỗ được dán nhãn đánh dấu thì ghi số hiệu nhãn;

(5) Trường hợp gỗ bị trừ khối lượng do rỗng ruột, mục, khuyết tật thì ghi vào cột này;

(6) Chỉ xác nhận đối với lâm sản quy định tại Điều 6 Thông tư này;

(7) Cơ quan xác nhận ghi rõ hai số cuối của năm xác nhận và số thứ tự bảng kê đã xác nhận trong năm. Ví dụ 18/001: 18 là năm 2018; 001 là số thứ tự bảng kê đã xác nhận.

Mẫu số 02. Bảng kê lâm sản (áp dụng đối với sản phẩm gỗ)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tờ số:/Tổng số tờ

BẢNG KÊ LÂM SẢN
(Áp dụng đối với sản phẩm gỗ)
 Số: .../... ⁽¹⁾

Thông tin chung:

Tên chủ lâm sản:
 Giấy đăng ký kinh doanh/mã số doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp)
 Địa chỉ
 Số điện thoại liên hệ:
 Nguồn gốc lâm sản ⁽²⁾:
 Số hóa đơn kèm theo (nếu có);; ngày ... tháng ... năm;
 Phương tiện vận chuyển (nếu có):biển số/số hiệu phương tiện:;
 Thời gian vận chuyển: ngày; từ ngày /tháng / năm ... đến ngày /tháng.... / năm.....
 Vận chuyển từ:.....đến:

TT	Tên sản phẩm gỗ ⁽³⁾	Số hiệu nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ nguyên liệu		Số lượng hoặc khối lượng sản phẩm	Đơn vị tính	Ghi chú
			Tên phổ thông	Tên khoa học			
A	B	C	D	E	F	G	H
01							
02							
...							
	<i>Cộng</i>						

Tổng số lượng và khối lượng hoặc trọng lượng đối với từng loài lâm sản có trong bảng kê:

.....Ngày.....tháng.....năm 20.....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM LÂM
SỞ TẠI ⁽⁴⁾
 Vào sổ số: .../... ⁽⁵⁾
(Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....Ngày..... tháng.....năm 20.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức; ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

Ghi chú:

- (1) Chủ lâm sản ghi số thứ tự theo số bảng kê lâm sản đã lập trong năm; Ví dụ 18/001: 18 là năm 2018; 001 là số thứ tự bảng kê đã lập;
 (2) Ghi rõ nguồn gốc gỗ nguyên liệu từ rừng tự nhiên, gỗ sau xử lý tịch thu, gỗ rừng trồng, vườn nhà, cây trồng phân tán hoặc gỗ nhập khẩu, có bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản của chủ lâm sản bán theo quy định tại Thông tư này;
 (3) Ghi tên của sản phẩm gỗ, ví dụ: bàn, ghế, gỗ băm dăm, ván bóc, ván ép, viên nén...;
 (4) Chỉ xác nhận đối với lâm sản quy định tại Điều 6 Thông tư này;
 (5) Cơ quan xác nhận ghi rõ hai số cuối của năm xác nhận và số thứ tự bảng kê đã xác nhận trong năm. Ví dụ 18/001: 18 là năm 2018; 001 là số thứ tự bảng kê đã xác nhận.

Mẫu số 03. Bảng kê lâm sản (áp dụng đối với thực vật rừng ngoài gỗ và dẫn xuất của chúng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tờ số:/Tổng số tờ

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với thực vật rừng ngoài gỗ, dẫn xuất của chúng)

Số: .../...⁽¹⁾

Thông tin chung:

Tên chủ lâm sản:.....

Giấy đăng ký kinh doanh/mã số doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp).....

Địa chỉ

Số điện thoại liên hệ:

Nguồn gốc lâm sản⁽²⁾:

Số hóa đơn kèm theo (nếu có):; ngày ... tháng ... năm;

Phương tiện vận chuyển (nếu có):..... biển số/số hiệu phương tiện:

Thời gian vận chuyển:ngày; từ ngàytháng...../ năm đến ngàytháng...../ năm

Vận chuyển từ:.....đến:

TT	Tên lâm sản		Nhóm loài ⁽³⁾	Số lượng hoặc trọng lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
	Tên phổ thông	Tên khoa học				
A	B	C	D	E	F	H
01						
02						
...						
Cộng						

Tổng số lượng và khối lượng hoặc trọng lượng đối với từng loài lâm sản có trong bảng kê:

.....

.....Ngày.....tháng.....năm 20.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM LÂM SỞ

TẠI⁽⁴⁾

Vào sổ số: .../...⁽⁵⁾

(Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....Ngày..... tháng..... năm 20.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức;

ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

Ghi chú:

(1) Chủ lâm sản ghi số thứ tự theo số bảng kê lâm sản đã lập trong năm; Ví dụ 18/001:18 là năm 2018; 001 là số thứ tự bảng kê đã lập;

(2) Ghi rõ nguồn gốc từ rừng tự nhiên, sau xử lý tịch thu, rừng trồng, vườn nhà, cây trồng phân tán hoặc nhập khẩu, có bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản của chủ lâm sản bán theo quy định tại Thông tư này;

(3) Ghi thuộc loài thông thường hay thuộc nhóm nào của loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc thuộc Mẫu số nào của CITES;

(4) Chỉ xác nhận đối với lâm sản quy định tại Điều 6 Thông tư này.

(5) Cơ quan xác nhận ghi rõ hai số cuối của năm xác nhận và số thứ tự bảng kê đã xác nhận trong năm. Ví dụ 18/001: 18 là năm 2018; 001 là số thứ tự bảng kê đã xác nhận.

Mẫu số 04. Bảng kê lâm sản (Áp dụng đối với động vật rừng; bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tờ số:/Tổng số tờ

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với động vật rừng; bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng)

Số:/.....⁽¹⁾

Thông tin chung:

Tên chủ lâm sản:

Giấy đăng ký kinh doanh/mã số doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp)

Địa chỉ

Số điện thoại liên hệ:

Nguồn gốc lâm sản (2):

Số hóa đơn kèm theo (nếu có):; ngày ... tháng năm;

Phương tiện vận chuyển (nếu có): biển số/số hiệu phương tiện:.....;

Thời gian vận chuyển:..... ngày; từ ngàytháng..../năm đến ngàytháng..../ năm

Vận chuyển từ:..... đến:

TT	Tên loài		Nhóm loài ⁽³⁾	Số hiệu nhãn đánh dấu (nếu có)	Số lượng	Trọng lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
	Tên phổ thông	Tên khoa học						
A	B	C	D	E	F	G	H	I
01								
02								
....								
Cộng								

Tổng số lượng và trọng lượng từng loài động vật rừng, bộ phận và dẫn xuất của chúng có trong bảng kê:

.....Ngày.....tháng.....năm 20.....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM LÂM SỞ TẠI
(4)

Vào sổ số: .../... (5)
(Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....Ngày..... tháng..... năm 20.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức; ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

Ghi chú:

(1) Chủ lâm sản ghi số thứ tự của bảng kê lâm sản đã lập trong năm; Ví dụ 18/001: 18 là năm 2018; 001 là số thứ tự bảng kê đã lập;

(2) Ghi rõ nguồn gốc từ tự nhiên, nuôi trong nước, sau xử lý tịch thu hay nhập khẩu, có bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản của chủ lâm sản bán xuất ra theo quy định tại Thông tư này;

(3) Ghi rõ thuộc loài thông thường hay thuộc nhóm nào của loài quy cấp, quý, hiếm hoặc thuộc Mẫu số nào của CITES;

(4) Chỉ xác nhận đối với lâm sản quy định tại Điều 6 Thông tư này;

(5) Cơ quan xác nhận ghi rõ hai số cuối của năm xác nhận và số thứ tự bảng kê đã xác nhận. Ví dụ 18/001: 18 là năm 2018; 001 là số thứ tự bảng kê đã xác nhận.

Mẫu số 05. Biên bản kiểm tra lâm sản

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA LÂM SẢN

Hôm nay, ngày tháng năm, hồi giờ Tại:.....

Chúng tôi gồm:

- 1)....., chức vụ:, đơn vị:
- 2)....., chức vụ:, đơn vị:
- 3)....., chức vụ:, đơn vị:

Tiến hành kiểm tra lâm sản của (tổ chức, cá nhân):.....

Địa chỉ:....., nghề nghiệp:.....

Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân số:; ngày cấp, nơi cấp....

Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp số; ngày cấp, nơi cấp.....

Người làm chứng (nếu có):

Họ tên

Số chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:; ngày cấp nơi cấp.....

Nội dung kiểm tra:

.....
.....

Hồ sơ lâm sản kèm theo gồm có:.....

Kết luận sau kiểm tra:

.....
.....

Việc kiểm tra kết thúc vào hồi giờ..... ngày.....tháng năm, trong quá trình kiểm tra không làm hư hỏng, mất mát gì.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận đúng, ký và ghi rõ họ tên vào biên bản.

Biên bản lập thành bản, giao cho cá nhân/tổ chức được kiểm tra một bản./.

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC ĐƯỢC KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức; ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

ĐẠI DIỆN TỔ KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG
(nếu có, ký, ghi rõ họ tên)

II. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

1. Thủ tục: *Phê duyệt Dự án liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp Hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>- Thời gian vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử,...</i>) hướng dẫn Chủ đầu tư dự án hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Chủ đầu tư dự án nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Ngoài trụ sở cơ quan.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị của chủ dự án (<i>theo mẫu</i>); - Thuyết minh Dự án liên kết (<i>theo mẫu</i>); - Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chụp các chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chụp hợp đồng liên kết. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì có tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt.</p> <p>- Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết.</p>
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>- Cơ quan giải quyết TTHC: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>
Kết quả	Quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Phí, lệ phí	Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị của chủ dự án (<i>Mẫu số 01, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018</i>); - Thuyết minh Dự án liên kết (<i>Mẫu số 02 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018</i>); - Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (<i>Mẫu số 03 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018</i>); - Bản sao chụp các chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (<i>Mẫu số 04 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. - Hợp đồng liên kết được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền. - Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. - Liên kết đảm bảo ổn định: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết theo dự án liên kết tối thiểu là 05 năm; + Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết theo dự án liên kết tối thiểu là 03 năm.
Căn cứ pháp lý	<i>Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ</i>

**TÊN ĐỐI TƯỢNG
THAM GIA LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (thành phố)
..... (hoặc UBND huyện (quận)).....

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị
(tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô liên kết:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:

5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:

6. Hỗ trợ chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới:

7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu:

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN LIÊN KẾT

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ,ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số..... ,ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số..... ,ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail

c)

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...
2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).
3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
2. Quy mô liên kết:
3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
4. Hình thức liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.
7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ
 - Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)
 - Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)
 - Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)
 - Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,)
 - Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,)
 - Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)
2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).
3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ
 - a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)
 - b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

Ngày tháng năm , tại
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: , Fax: E-mail

2. Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: , Fax: E-mail

3. Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:

2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

3. Quy mô liên kết:

4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng

2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng

- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ đầu tư dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Kính gửi:
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết): ,

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt ☐ Lâm nghiệp ☐ Chăn nuôi ☐

Nuôi trồng thủy sản ☐ Khai thác, sản xuất muối ☐

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản ☐

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

1. Thủ tục: Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm gửi một bộ hồ sơ Đề nghị xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>). - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3. Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Chi cục có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 4. Khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 5. Kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý và Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân đảm bảo quy định kiến thức trong quá trình tham gia đánh giá.</p> <p>Bước 6. Chi cục chuyển Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Bước 7. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; qua fax, Email, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đối với tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã (<i>có dấu xác nhận của tổ chức</i>); - Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí lệ phí. * Đối với cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân; - Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân. - Trong thời gian 3 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày

	kiểm tra) Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.
Đối tượng thực hiện	Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh.
Cơ quan thực hiện	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản Kon Tum.
Kết quả	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm (Thời hạn hiệu lực: 03 năm kể từ ngày cấp).
Phí, lệ phí	Phí Thẩm định xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Mức thu: 30.000 đồng/lần/người
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (mẫu số 01a, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT, ngày 09/04/2014); - Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (mẫu số 01b, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT, ngày 09/04/2014).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật vệ sinh an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/2/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT, ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL, ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

Mẫu số 01a- đơn đề nghị xác nhận kiến thức về ATTP
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Kon Tum.

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân.....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số, cấp ngày tháng năm, nơi cấp

Địa chỉ:, Số điện thoại

Số Fax E-mail

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành, chúng tôi / tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

....., ngày ... tháng năm

Đại diện Tổ chức/cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 01b- Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức

(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của (tên tổ chức)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

....., ngày tháng ... năm.....

Đại diện Tổ chức xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

2. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Cơ sở nộp hồ sơ Đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, TP Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>).</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3. Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm của cơ sở, Chi cục phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ để hoàn thiện.</p> <p>Bước 4.</p> <p>+ Trường hợp 1: Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và Cấp giấy chứng nhận ATTP (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B).</p> <p>+ Trường hợp 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở (trường hợp cơ sở chưa được thẩm định xếp).</p> <p>Bước 5. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>nếu đủ điều kiện</i>). Trường hợp không cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 6. Chi cục chuyển Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho cơ sở sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Bước 7. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; qua fax, Email, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (<i>đi thẩm định thực tế điều kiện ATTP tại cơ sở</i>)</p> <p>- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (<i>nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B</i>)</p>
Đối tượng thực hiện	Cơ sở sản xuất, kinh doanh.
Cơ quan thực hiện	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản tỉnh Kon Tum.
Kết quả	<p>+ Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới Cơ sở/ Thông báo kết quả đối với Cơ sở chưa đủ điều kiện</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận 3 năm).</p>
Phí, lệ phí	<p>- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Mức thu: 700.000đồng/cơ sở.</p> <p>- Phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm. Mức thu:</p>

	350.000 đồng/cơ sở.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục V Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>); - Bản thuyết minh Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục VI Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>);
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL, ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC V
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: Chi cục Quản lý Chất Lượng Nông Lâm sản và Thủy sản

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

4. Điện thoại Fax

Email

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:

6. Mặt hàng sản xuất, kinh

doanh:.....

Đề nghị Chi cục Quản lý Chất Lượng Nông Lâm sản và Thủy sản cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-

-

-

...

-

-

...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VI
BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
.....
.....
8. Công suất thiết kế:
.....
.....
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm², trong đó:
+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm :m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh :m²
+ Khu vực đóng gói thành phẩm :m²
+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐

Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐

Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở ☐

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

- Thuê ngoài ☐

Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Cơ sở nộp hồ sơ Đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, TP Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>). - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3. Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận ATTP của cơ sở, bộ phận thường trực phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ;</p> <p>Bước 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp 1: Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và Cấp giấy chứng nhận ATTP (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B) + Trường hợp 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở (trường hợp cơ sở chưa được thẩm định xếp) <p>Bước 5. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (<i>nếu cơ sở đủ điều kiện</i>). Trường hợp không cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 6. Chi cục chuyển Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho cơ sở sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Bước 7. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; qua fax, Email, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (<i>theo mẫu</i>); <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (<i>đi thẩm định thực tế điều kiện ATTP tại cơ sở</i>) - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (<i>nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B</i>)
Đối tượng thực hiện	Cơ sở sản xuất, kinh doanh
Cơ quan thực hiện	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> + Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới Cơ sở/Thông báo kết quả đối với Cơ sở chưa đủ điều kiện + Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận 3 năm).
Phí, lệ phí	- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Mức thu: 700.000đồng/cơ sở;

	- Phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm. Mức thu: 350.000 đồng/cơ sở
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục V Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>); - Bản thuyết minh Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục VI Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	- <i>Luật An toàn thực phẩm</i> ngày 17/6/2010; - <i>Nghị định số 15/2018/NĐ-CP</i> ngày 02/2/2018 của Chính phủ. - <i>Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i> của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - <i>Thông tư số 44/2018/TT-BTC</i> ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - <i>Thông tư số 285/2016/TT-BTC</i> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - <i>Thông tư số 286/2016/TT-BTC</i> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - <i>Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL, ngày 06/3/2019</i> của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC V
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN
TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông
ng nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: Chi cục Quản lý Chất Lượng Nông Lâm sản và Thủy sản

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

4. Điện thoại Fax

Email

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:

.....

.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh

doanh:.....

Đề nghị Chi cục Quản lý Chất Lượng Nông Lâm sản và Thủy sản cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-

-

-

...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VI
BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

BẢN THUYẾT MINH
Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm², trong đó:
+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm :m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh :m²
+ Khu vực đóng gói thành phẩm :m²
+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có

☐ Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐

Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở ☐

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

- Thuê ngoài ☐

Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

4. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Cơ sở nộp hồ sơ Đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, TP Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>). - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3. Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận ATTP phải kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp lại Giấy chứng nhận ATTP (<i>trường hợp không cấp phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do</i>).</p> <p>Bước 4. Chi cục chuyển Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho cơ sở sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Bước 5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; qua fax, Email, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận ATTP (<i>theo mẫu</i>); <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Cơ sở sản xuất, kinh doanh
Cơ quan thực hiện	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản tỉnh Kon Tum.
Kết quả	Giấy chứng nhận cơ sở ATTP. Thời hạn hiệu lực của kết quả: Trùng với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đã được cấp trước đó.
Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Mức thu: 700.000 đồng/cơ sở; - Phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm. Mức thu: 350.000 đồng/cơ sở
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục V Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL, ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC V
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN
TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: Chi cục Quản lý Chất Lượng Nông Lâm sản và Thủy sản

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

4. Điện thoại Fax

Email

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:

6. Mặt hàng sản xuất, kinh

doanh:.....

Đề nghị Chi cục Quản lý Chất Lượng Nông Lâm sản và Thủy sản cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

-
-
-
...

II. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Thủ tục: *Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, TP Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>).</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá: Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh quyết định thành lập Đoàn đánh giá.</p> <p>Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở: Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá.</p> <p>Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Trường hợp không cấp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 7: Chi cục chuyển Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 8: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chụp hoặc bản chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp (<i>mang theo bản gốc để đối chiếu</i>). - Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>theo mẫu</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh
Kết quả	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>Có giá trị trong thời hạn 05 năm</i>).
Lệ phí (nếu có)	Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Mức thu: 800.000 đồng/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015</i>) - Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ cơ sở buôn bán thuốc hoặc người trực tiếp quản lý và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật. - Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m. - Kho thuốc bảo vệ thực vật: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển; + Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm. - Điều kiện trang thiết bị <ul style="list-style-type: none"> + Có tủ trưng bày, quầy, kệ hoặc giá đựng thuốc bảo vệ thực vật. + Đảm bảo đủ độ sáng để nhận diện thuốc. Thiết bị chiếu sáng phải đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ. + Có nội quy và phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan phòng cháy, chữa cháy để ở nơi thuận tiện, sẵn sàng sử dụng khi cần thiết. + Có bảo hộ lao động bảo vệ cá nhân như găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng. + Có vật liệu, dụng cụ để xử lý kịp thời sự cố theo yêu cầu của cơ quan quản lý về môi trường.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

Phụ lục XIV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số **21** /2015 /TT-BNNPTNT ngày **08** tháng **6** năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất ☐

- Sản xuất thuốc kỹ thuật ☐

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật ☐

- Đóng gói ☐

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng ☐

- Cơ sở không có cửa hàng ☐

☐ Cấp mới ☐ Cấp lại lần thứ

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục XVI

MẪU BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

3. Loại hình hoạt động

- DN nhà nước ☐

- DN liên doanh với nước ngoài ☐

- DN tư nhân ☐

- DN 100% vốn nước ngoài ☐

- DN cổ phần ☐

- Hộ buôn bán ☐

- Khác: (ghi rõ loại hình) ☐.....

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²

- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).

- 51

2. Thủ tục: *Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, TP Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>). - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá: Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh quyết định thành lập Đoàn đánh giá. Trường hợp cơ sở đã được kiểm tra đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản thì không thành lập Đoàn đánh giá.</p> <p>Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở: Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá. Không đánh giá đối với cơ sở đã được kiểm tra đánh giá xếp loại A.</p> <p>Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại. Trường hợp không cấp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 7: Chi cục chuyển Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 8: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chụp hoặc bản chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp (<i>mang theo bản gốc để đối chiếu</i>). - Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>theo mẫu</i>). <p>b. Số lượng: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).
Phí, Lệ phí	Phí thẩm định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Mức thu: 800.000 đồng/lần.
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày</i>

	<p>08/6/2015)</p> <p>- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	<p>Trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và phải bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ cơ sở buôn bán thuốc hoặc người trực tiếp quản lý và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật. - Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m. - Kho thuốc bảo vệ thực vật: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển; + Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

Phụ lục XIV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất ☐

- Sản xuất thuốc kỹ thuật ☐

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật ☐

- Đóng gói ☐

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng ☐

- Cơ sở không có cửa hàng ☐

☐ Cấp mới ☐ Cấp lại lần thứ

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục XVI
MẪU BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

3. Loại hình hoạt động

- DN nhà nước ☐

- DN liên doanh với nước ngoài ☐

- DN tư nhân ☐

- DN 100% vốn nước ngoài ☐

- DN cổ phần ☐

- Hộ buôn bán ☐

- Khác: (ghi rõ loại hình) ☐.....

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²

- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).

- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).

- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

☐ Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên ☐ dưới 5000 kg ☐

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax: E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

3. Thủ tục: Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (sau đây gọi tắt là giấy xác nhận kiến thức về ATTP).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>).</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3. Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 4. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiến hành kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.</p> <p>Bước 5. Việc thẩm định, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm được thực hiện bằng bộ câu hỏi trắc nghiệm bao gồm 30 câu, trong đó có 20 câu về nội dung kiến thức chung, 10 câu về nội dung kiến thức chuyên ngành, thời gian làm bài đánh giá 45 phút.</p> <p>Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành. Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho cá nhân. Trường hợp những người không đủ điều kiện cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm, hẹn ngày tổ chức kiểm tra lại.</p> <p>Bước 6. Chi cục chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.</p> <p>Bước 7. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Đối với tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>). - Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức). - Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. <p>* Đối với cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân. - Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>

Thời hạn giải quyết	13 (mười ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy xác nhận
Phí, lệ phí	Phí thẩm định xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Mức thu: 30.000 đồng/lần/người
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>Mẫu số 01a, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014</i>). - Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>Mẫu số 01b, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công thương; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

Mẫu số 01a - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân
Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số....., cấp
ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....
Địa chỉ:....., Số điện thoại.....
Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do
..... (*) ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội
dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi
theo nội dung của tài liệu của(*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện Tổ chức/cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:

* chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương.

Mẫu số 01b- Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức
(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của(tên tổ chức))

[illegible]

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

4. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất trồng trọt, cơ sở chế, chế biến, bảo quản, tại cơ sở (<i>rau, củ, quả, và các sản phẩm từ rau, củ, quả; ngũ cốc</i>) gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>).</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3. Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở, Chi cục phải xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi giấy hẹn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>Bước 4. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận hồ sơ thực hiện thẩm tra hồ sơ, xếp loại cơ sở do đơn vị mình thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại cơ sở (nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại).</p> <p>Bước 5. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (nếu đủ điều kiện). Trường hợp không cấp giấy chứng nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 6. Chi cục chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 7. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Fax, E-mail, mạng điện tử (<i>sau đó gửi hồ sơ bản chính</i>).</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (<i>theo mẫu</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận ATTP có hiệu lực trong thời gian 03 năm
Phí, lệ phí	<p>- Phí thẩm định Cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Mức thu: 700.000 đồng/cơ sở.</p> <p>- Phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm (50% phí thẩm định cấp giấy chứng nhận). Mức thu: 350.000 đồng/cơ sở.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm (<i>phụ lục V, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>);</p> <p>- Bản thuyết minh Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (<i>phụ lục VI, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>);</p>
Yêu cầu, điều kiện	Không

Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công thương; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.
-----------------------	--

PHỤ LỤC V

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

4. Điện thoại Fax

Email

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-

-

-

...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VI

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm², trong đó:
+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm :m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh :m²
+ Khu vực đóng gói thành phẩm :m²
+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có

☐ Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐

Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở ☐ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

- Thuê ngoài ☐ Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

5. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở (Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Trước 6 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn, gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>). - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3. Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt và BVTV. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở, Chi cục phải xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi giấy hẹn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>Bước 4. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận hồ sơ thực hiện thẩm tra hồ sơ, xếp loại cơ sở do đơn vị mình thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại cơ sở (<i>nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại</i>).</p> <p>Bước 5. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>nếu đủ điều kiện</i>). Trường hợp không cấp giấy chứng nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 6. Chi cục chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 7. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Fax, E-mail, mạng điện tử (<i>sau đó gửi hồ sơ bản chính</i>). - Kiểm tra tại cơ sở.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>). - Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (<i>theo mẫu</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời gian 03 năm
Phí, Lệ phí	<p>Phí thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Mức thu: 700.000 đồng/cơ sở. - Đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>50% phí thẩm định cấp giấy chứng nhận</i>). Mức thu: 350.000 đồng/cơ sở.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm (<i>phụ lục V, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>); - Bản thuyết minh Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (<i>phụ lục VI, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không

Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công thương; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.
-----------------------	--

PHỤ LỤC V

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

4. Điện thoại Fax Email

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị: (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

-
-
-
...

PHỤ LỤC VI

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I- THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
- Mã số (nếu có):
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:
- Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
- Năm bắt đầu hoạt động:
- Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
- Công suất thiết kế:
- Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
- Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm², trong đó:
+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm :m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh :m²
+ Khu vực đóng gói thành phẩm :m²
+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có

☐ Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐ Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

.....

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở ☐ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài ☐ Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

6. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở trồng trọt, có hoạt động sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất trồng trọt, cơ sở chế, chế biến, bảo quản, tại cơ sở (<i>rau, củ, quả, và các sản phẩm từ rau, củ, quả; ngũ cốc</i>) gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>).</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3. Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt và BVTV. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bộ phận thường trực phải kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (trường hợp không cấp lại phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do).</p> <p>Bước 4. Chi cục chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Fax, E-mail, mạng điện tử (<i>sau đó gửi hồ sơ bản chính</i>).</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (<i>đối với trường hợp cơ sở có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm</i>); <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum.
Kết quả	Giấy chứng nhận ATTP có hiệu lực trong thời gian 03 năm
Phí, Lệ phí	<p>- Phí thẩm định Cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Mức thu: 700.000 đồng/cơ sở.</p> <p>- Phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>50% phí thẩm định cấp giấy chứng nhận</i>). Mức thu: 350.000 đồng/cơ sở.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm (<i>phụ lục V Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>);
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;</p> <p>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công thương;</p> <p>- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục quản lý Chất</p>

PHỤ LỤC V

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

4. Điện thoại FaxEmail

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-

-

-

...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

III. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

1. Thủ tục: Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, TP Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>). - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y; công chức của Chi cục có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Bước 4: Chi cục chuyển giấy Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; qua fax, Email, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>* Trường hợp cấp mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp Chứng chỉ hành nghề thú y (<i>theo mẫu</i>); - Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y; - Giấy chứng nhận sức khỏe; - Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân (bản sao); - Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (Đối với người nước ngoài) - 02 ảnh 4x6. <p>* Trường hợp gia hạn: trước khi hết hạn 30 ngày cá nhân có nhu cầu gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký gia hạn (<i>theo mẫu</i>) - Giấy chứng nhận sức khỏe; - Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp; - 02 ảnh 4x6. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cấp mới). - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cấp gia hạn).
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả	Chứng chỉ hành nghề thú y.
Phí, Lệ phí	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y. Mức thu: 50.000

	đồng/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đăng ký cấp Chứng chỉ hành nghề thú y (<i>Phụ lục III, Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Người hành nghề chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. Người hành nghề tiêm phòng cho động vật phải có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo về kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh cấp. - Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. - Người buôn bán thuốc thú y phải có bằng trung cấp trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. - Chứng chỉ hành nghề thú y về tiêm phòng, chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y được sử dụng trong phạm vi cả nước. Cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề không ghi vào Mục địa Điểm hành nghề; - Chứng chỉ hành nghề thú y của người phụ trách kỹ thuật tại cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y được sử dụng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Người hành nghề phải có đạo đức nghề nghiệp; - Người hành nghề có đủ sức khỏe hành nghề. - Có cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y theo quy định của pháp luật (đối với tổ chức).
Cơ sở pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

PHỤ LỤC III
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y
(Kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề:

☐ Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.

☐ Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.

☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.

☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

.....

Địa chỉ hành nghề:

.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

(Ghi chú: Nộp 02 ảnh 4x6)

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC III
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y
(Kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
GIA HẠN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Đã được Chi cục..... cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:

☐ Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.

☐ Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.

☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.

☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

.....

Số CCHN:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý Chi cục cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề trên.

Gửi kèm Chứng chỉ hành nghề hết hạn và 02 ảnh 4x6.

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y nhưng bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan có nhu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y; công chức của Chi cục có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Bước 4: Chi cục chuyển giấy Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; qua fax, Email, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp lại (theo mẫu); - Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất. - 02 ảnh 4x6. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả	Chứng chỉ hành nghề thú y
Phí, lệ phí	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y. Mức thu: 50.000 đồng/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	<p>a) Bị mất, sai sót, hư hỏng;</p> <p>b) Có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y.</p>
Cơ sở pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

3. Thủ tục: *Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đăng ký kiểm tra, cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y; công chức của Chi cục có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Bước 4: Kiểm tra, xác nhận:</p> <p>- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Chi cục lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>- Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) Chi cục cấp giấy xác nhận.</p> <p>Bước 5: Chi cục chuyển giấy Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 6: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; qua fax, Email, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức (<i>theo mẫu - áp dụng đối với tổ chức</i>) - Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân. - Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<p>- Trong thời gian 10 ngày làm việc, tổ chức xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.</p> <p>- Trong thời gian 03 ngày làm việc, cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.</p>
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.
Lệ phí:	Phí thẩm định xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Mức thu: 30.000 đồng/lần/người.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>Mẫu số 01a, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT</i>); - Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức (<i>Mẫu số 01b, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đảm bảo kiến thức về an toàn thực phẩm qua kiểm tra bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định. 2. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức

	chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.
Cơ sở pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công thương; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số....., cấp ngày.....
tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do
..... (*) ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội
dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/ Tôi
theo nội dung của tài liệu của (*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: * chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương.

Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức

(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của(tên tổ chức)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

4. Thủ tục: Cấp mới, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y; công chức của Chi cục có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Bước 4: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành kiểm tra và cấp chứng nhận theo qui định. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5: Chi cục chuyển giấy Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 6: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; qua fax, Email, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (<i>theo mẫu</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết	<p>1/ Đối với hồ sơ Cấp mới, cấp lại do hết hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ; - Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định, xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. - Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định, xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B); - Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện hoặc tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận nếu đủ điều kiện (trường hợp cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại). <p>2/ Đối với hồ sơ Cấp lại do bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin: 5 ngày làm việc.</p> <p>3/ Thu hồi Giấy chứng nhận ATTP: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản bị thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm khi không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm; Thẩm quyền thu hồi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh.
Cơ quan thực hiện	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.

Kết quả	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
Lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Mức thu: 700.000 đồng/cơ sở; - Phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm. Mức thu: 350.000 đồng/cơ sở.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục V Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>); - Bản thuyết minh Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục VI Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm: - Trước 06 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp tiếp tục sản xuất kinh doanh. - Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn, hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận, cơ sở phải có văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận gửi Chi cục để được xem xét cấp lại theo qui định. Trường hợp không cấp lại phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cơ sở pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công thương; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

PHỤ LỤC V
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN
TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
.....
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:
4. Điện thoại Fax
Email
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:
Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp, cấp lại Giấy chứng nhận
đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-
...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VI

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm², trong đó:
+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm :m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh :m²
+ Khu vực đóng gói thành phẩm :m²
+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:
2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐

Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐

Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở ☐

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài ☐

Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

IV. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1. Thủ tục: Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử, ...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Ngoài trụ sở cơ quan.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>theo mẫu</i>); - Các tài liệu liên quan gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chính Sơ đồ vườn cây. + Bản chính Báo cáo về vườn cây đầu dòng, gồm có các nội dung: Nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; nhận xét về sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Đối tượng thực hiện	Tổ chức
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>Phụ lục số 01 hoặc Annex 01, Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo nguồn giống luôn đạt các tiêu chí theo quy định và không bị nhiễm bệnh nguy hiểm, thoái hóa. - Cây có múi S₀, cây có múi S₁ phải được trồng trong nhà lưới đủ tiêu chuẩn ngăn chặn côn trùng trung gian truyền bệnh. - Có sổ theo dõi tình hình cung cấp vật liệu nhân giống.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phí và lệ phí năm 2015; - Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số....18...../2012/TT-BNNPTNT
ngày..26.....tháng....4.....năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CÂY ĐÀU DÒNG/VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM**

Kính nộp: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail.....
3. Tên giống:.....
4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng
Thôn.....xã.....huyện.....tỉnh/TP:.....
5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
 - Năm trồng:
 - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác):.....
 - Tình hình sinh trưởng (chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng):.....
 - Năng suất, chất lượng của giống (nêu những chỉ tiêu chủ yếu):
Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:
 - Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
 - Diện tích vườn (m²):
 - Khoảng cách trồng (m x m):
6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:
 - Sơ đồ vườn cây;
 - Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
 - Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
 - Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 20....

Đại diện đơn vị *
(ký tên, đóng dấu)

(*Nếu là Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân nộp kèm theo đơn)

Annex 01

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independent – Freedom – Happiness

APPLICATION FOR RECOGNITION SOURCES OF PLANTING MATERIALS
OF PERENNIAL INDUSTRIAL AND FRUIT CROPS

To: Department of Agriculture and Rural Development Provincial/City

1. Name of organizations/individuals.....

2. Address:.....Telephone / Fax / E-mail.....

Number of identify card (individuals):.....

3. Names of varieties:

Scientific name:.....; Vietnamese name:.....

4. Administrative positions and geographic on varieties of Industrial and fruit crops:

Hamlet.....Commune.....District.....Province/ City.....

5. More details for Sources of planting materials:

- Planted years:.....

- Source of original material cultivars (grafted trees, tree cuttings, tree branches and extract other propagating materia):

- The situation of growth (height, canopy diameter, pest status and some indicators related to growth):

- Productivity, quality of varieties (the main criteri):

For the Budwood orchards, additional informations follow:

- Codes of varieties (Elite trees):

- Garden area (m²):

- Distance in (m x m):

6. Other related documents attached

- Map orchard;

- Summary of findings or history of cultivation;

- Research results, evaluation or had contests;

- The situation of growth and development of varieties sources;

We would commit to pay fees for selection and evaluation as prescribed./.

(days ... months ... years.....)

Representative units *

(Signature and stamp)

(* Individuals must have a photocopy of identify card attached with)

2. Thủ tục: Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Đường Lê Hồng Phong, TP Kon Tum (<i>Bưu điện tỉnh cũ</i>). - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyên toàn bộ hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử, ...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Ngoài trụ sở cơ quan.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>theo mẫu</i>); - Các tài liệu liên quan gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chính Sơ đồ vườn cây, + Bản chính Báo cáo về vườn cây đầu dòng, gồm có các nội dung: Nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; nhận xét về sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Đối tượng thực hiện	Tổ chức
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>Phụ lục số 01 hoặc Annex 01, Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo nguồn giống luôn đạt các tiêu chí theo quy định và không bị nhiễm bệnh nguy hiểm, thoái hóa. - Cây có múi S₀, cây có múi S₁ phải được trồng trong nhà lưới đủ tiêu chuẩn ngăn chặn côn trùng trung gian truyền bệnh. - Có sổ theo dõi tình hình cung cấp vật liệu nhân giống.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phí và lệ phí năm 2015; - Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số...18...../2012/TT-BNNPTNT
ngày..26.....tháng....4.....năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CÂY ĐÀU DÒNG/VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM**

Kính nộp: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail:.....
3. Tên giống:.....
4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng
Thôn.....xã.....huyện.....tỉnh/TP:.....
5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
 - Năm trồng:
 - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (*cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác*):.....
 - Tình hình sinh trưởng (*chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng*):.....
 - Năng suất, chất lượng của giống (*nêu những chỉ tiêu chủ yếu*):Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:
 - Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
 - Diện tích vườn (m²):
 - Khoảng cách trồng (m x m):
6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:
 - Sơ đồ vườn cây;
 - Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
 - Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
 - Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 20.....

Đại diện đơn vị *
(ký tên, đóng dấu)

(*Nếu là Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân nộp kèm theo đơn)

Annex 01

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independent – Freedom – Happiness

**APPLICATION FOR RECOGNITION SOURCES OF PLANTING MATERIALS
OF PERENNIAL INDUSTRIAL AND FRUIT CROPS**

To: Department of Agriculture and Rural Development Provincial/City

1. Name of organizations/individuals.....

2. Address:.....Telephone / Fax / E-mail.....

Number of identify card (individuals):.....

3. Names of varieties:

Scientific name:.....; Vietnamese name:.....

4. Administrative positions and geographic on varieties of Industrial and fruit crops:

Hamlet.....Commune.....District.....Province/ City.....

5. More details for Sources of planting materials:

- Planted years:.....

- Source of original material cultivars (grafted trees, tree cuttings, tree branches and extract other propagating materia):

- The situation of growth (height, canopy diameter, pest status and some indicators related to growt):

- Productivity, quality of varieties (the main criteri):

For the Budwood orchards, additional informations follow:

- Codes of varieties (Elite trees):

- Garden area (m²):

- Distance in (m x m):

6. Other related documents attached

- Map orchard;

- Summary of findings or history of cultivation;

- Research results, evaluation or had contests;

- The situation of growth and development of varieties sources;

We would commit to pay fees for selection and evaluation as prescribed./.

(days ... months ... years.....)

Representative units *

(Signature and stamp)

(Individuals must have a photocopy of identify card attached with)*

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ theo thành phần hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu thiếu.</p> <p>Bước 3: Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử, ...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Ngoài trụ sở cơ quan.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị công nhận lại Cây đầu dòng, Vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao quyết định lần công nhận gần nhất; - Các tài liệu liên quan gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Sơ đồ nguồn giống, + Báo cáo tóm tắt về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, số lượng khai thác vật liệu nhân giống trong thời gian lần công nhận gần nhất. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>Phụ lục số 01 hoặc Annex 01, Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012</i>).

Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> - Có gắn mã hiệu cho nguồn giống: Mã hiệu nguồn giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tại Giấy chứng nhận nguồn giống. - Đối với cây đầu dòng, cây có múi S0 mã hiệu phải được gắn trực tiếp trên từng cây. Đối với vườn cây đầu dòng, vườn cây có múi S1 mã hiệu được gắn trên bảng ở vị trí dễ quan sát. - Đảm bảo nguồn giống luôn đạt các tiêu chí như khi được công nhận, không bị nhiễm bệnh nguy hiểm, thoái hóa. - Cây có múi S0, cây có múi S1 phải được trồng trong nhà lưới đủ tiêu chuẩn ngăn chặn côn trùng trung gian truyền bệnh. - Khai thác vật liệu nhân giống không vượt quá định mức quy định trong Giấy công nhận nguồn giống; - Có sổ theo dõi ghi chép đầy đủ tình hình cung cấp vật liệu nhân giống; - Có báo cáo hàng năm kết quả khai thác, tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống và những thay đổi liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu nguồn giống (nếu có) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Chấp hành việc kiểm tra và biện pháp xử lý của cơ quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phí và lệ phí năm 2015; - Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục 01

*(Ban hành kèm theo Thông tư số....18...../2012/TT-BNNPTNT
ngày..26.....tháng....4.....năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CÂY ĐÀU DÒNG/VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM**

Kính nộp: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail.....
3. Tên giống:.....
4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng
Thôn.....xã.....huyện.....tỉnh/TP:.....
5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
 - Năm trồng:
 - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (*cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác*):.....
 - Tình hình sinh trưởng (*chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng*):.....
 - Năng suất, chất lượng của giống (*nêu những chỉ tiêu chủ yếu*):Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:
 - Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
 - Diện tích vườn (m²):
 - Khoảng cách trồng (m x m):
6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:
 - Sơ đồ vườn cây;
 - Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
 - Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
 - Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 20.....

Đại diện đơn vị *
(*ký tên, đóng dấu*)

(*Nếu là Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân nộp kèm theo đơn)

Annex 01

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independent – Freedom – Happiness

**APPLICATION FOR RECOGNITION SOURCES OF PLANTING MATERIALS
OF PERENNIAL INDUSTRIAL AND FRUIT CROPS**

To: Department of Agriculture and Rural Development Provincial/City

1. Name of organizations/individuals.....
2. Address:..... Telephone / Fax / E-mail.....
Number of identify card (individuals):.....
3. Names of varieties:
Scientific name:.....; Vietnamese name:.....
4. Administrative positions and geographic on varieties of Industrial and fruit crops:
Hamlet..... Commune..... District..... Province/ City.....
5. More details for Sources of planting materials:
 - Planted years:.....
 - Source of original material cultivars (grafted trees, tree cuttings, tree branches and extract other propagating materia):
 - The situation of growth (height, canopy diameter, pest status and some indicators related to growt):
 - Productivity, quality of varieties (the main criteri):
For the Budwood orchards, additional informations follow:
 - Codes of varieties (Elite trees):
 - Garden area (m²):
 - Distance in (m x m):
6. Other related documents attached
 - Map orchard;
 - Summary of findings or history of cultivation;
 - Research results, evaluation or had contests;
 - The situation of growth and development of varieties sources;

We would commit to pay fees for selection and evaluation as prescribed./.

(days ... months ... years.....)

Representative units *

(Signature and stamp)

(Individuals must have a photocopy of identify card attached with)*